

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Tăng Thị Thúy Nga

Các Thẩm phán: 1. Ông Lê Ngô.

2. Ông Nguyễn Văn Dũ.

- Thư ký phiên tòa: Bà Cao Thị Mỹ Nhiên- Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng tham gia phiên tòa:

Ông Lê Minh Thích– Kiểm sát viên.

Trong ngày 12 tháng 4 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Sóc Trăng xét xử phúc thẩm vụ án hình sự thụ lý số 11/2018/TLPT-HS, ngày 09/03/2018 đối với bị cáo Nguyễn Hoàng N (Dương Hoàng N) do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 02/2018/HS-ST, ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh Sóc Trăng.

Bị cáo kháng cáo:

Nguyễn Hoàng N (Tên gọi khác: Dương Hoàng N), sinh năm: 1986, tại N, S; Cư trú: k1, p1, thị xã N, tỉnh S; nghề nghiệp: Thợ cửa sắt; trình độ học vấn: 04/12; dân tộc: Kinh; quốc tịch: Việt Nam; tôn giáo: Không; giới tính: Nam; con ông: Nguyễn Bé B và bà Nguyễn Thị L; chưa có vợ, con; tiền án: Không, tiền sự: Không; Bị cáo bị áp dụng biện pháp ngăn chặn “Cấm đi khỏi nơi cư trú”. (Bị cáo có mặt)

- Người bào chữa cho bị cáo: Ông Hoàng Văn Quyết, luật sư Văn phòng luật sư Hoàng Quyết, đoàn luật sư tỉnh Sóc Trăng. Địa chỉ: 25/28 Lý Tự Trọng, phường 2, TP. Sóc Trăng, tỉnh Sóc Trăng. (có mặt)

Ngoài ra trong vụ án còn có người bị hại Nguyễn Đỗ Thanh T nhưng không kháng cáo, không bị kháng nghị Tòa án cấp phúc thẩm không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Bị cáo Nguyễn Hoàng N và bị hại ông Nguyễn Đỗ Thanh T không quen biết với nhau và không có mâu thuẫn gì với nhau trước. Vào khoảng 21 giờ ngày

30/4/2017, bị cáo N cùng với Trương Văn D, Quảng Trung T1, Dương Chí T2 nhậu tại quán Sông Quê thuộc k1, p1, thị xã N, tỉnh S, nhậu được một lúc thì T2 gọi rủ T đến để nhậu chung, trong lúc nhậu thì giữa bị cáo N với T có lời qua tiếng lại, cự cãi nhau nên T bỏ đi về nhà cách quán nhậu Sông Quê khoảng 30m. Về được một lúc T ra ngoài nghe điện thoại thì lúc đó có Bùi Thanh Ph, Lê Thanh T3, Trương Hoàng N và một số người khác làm thuê cho quán Sông Quê đang nhậu nhìn thấy T nên rủ vào nhậu, khi T vào nhậu được khoảng 03 - 04 ly thì bị cáo N, Dương Chí T2 cùng với 02 người bạn của bị cáo N trong quán đi ra, khi đi ngang qua chỗ T đang ngồi nhậu thì Trương Hoàng N1 mời bị cáo N uống một ly bia, bị cáo N bước đến cầm ly bia uống hết, xong bị cáo N nhìn thấy T đang ngồi nhậu ở đó, nhớ lại chuyện cự cãi lúc nãy nên bị cáo N dùng ly bia đánh vào vùng đầu của T gây thương tích, được mọi người can ngăn đưa bị cáo N ra xe để đi về nhà nhưng bị cáo N không về mà tiếp tục quay lại cự cãi với T, trong lúc cự cãi bị cáo N tiếp tục dùng quay của ly bia lúc nãy đâm vào vùng ngực của T gây thương tích và được mọi người đưa đến Bệnh viện Đa khoa Bạc Liêu cấp cứu và điều trị đến ngày 08/5/2017 thì xuất viện. Sau khi tiếp nhận tin báo sự việc, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N đã tiến hành mời bị cáo N về cơ quan làm việc, qua đó bị cáo N đã khai nhận toàn bộ hành vi đánh người gây thương tích của mình. Theo kết luận giám định pháp y về thương tích số 116/TgT – PY, ngày 14/6/2017 của Trung tâm pháp y Sóc Trăng kết luận: Sẹo mất tóc vùng cằm trái, kích thước 02cm x 0,3cm. Sẹo ngang ngực phải, kích thước 18cm x 0,8cm, sẹo gây ảnh hưởng thẩm mỹ. Tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên cho bị hại T là 15%.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo đã bồi thường cho người bị hại số tiền 25.000.000 đồng, người bị hại không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại thêm. Về vật chứng của vụ án: Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thị xã N ra quyết định thu giữ 05 mảnh vỡ của ly thủy tinh và đã chuyển giao cho Cơ quan Thi hành án dân sự thị xã N quản lý. Đối với tay cầm của ly thủy tinh mà bị cáo dùng để gây thương tích cho bị hại T, trên đường đi về bị cáo đã quăng bỏ không thu hồi được.

Tại bản án số 02/2018/HS-ST, ngày 01/02/2018 của Tòa án nhân dân thị xã N, tỉnh S tuyên xử như sau:

Căn cứ Khoản 2 Điều 104, Điều 33, 45, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N (tên gọi khác: Dương Hoàng N) phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

2. Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã N chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

Ngoài ra án sơ thẩm còn tuyên phần xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự, án phí và quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 08/02/2018, bị cáo Nguyễn Hoàng N có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và cho bị cáo được hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm:

- Bị cáo vẫn giữ nguyên nội dung kháng cáo.
- Vị Đại diện viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Sóc Trăng giữ quyền công tố nhà nước đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm áp dụng Điều 356 của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 không chấp nhận kháng cáo của bị cáo N, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ vào các chứng cứ và tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện chứng cứ; ý kiến của Kiểm sát viên và bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tính hợp pháp của kháng cáo: Đơn kháng cáo của bị cáo được nộp trực tiếp tại Tòa án nhân dân thị xã N vào 08/02/2018 theo quy định tại Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015 thì việc kháng cáo của bị cáo là hợp lệ nên Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận và xem xét giải quyết kháng cáo theo trình tự thủ tục phúc thẩm.

[2] Tại phiên tòa bị cáo thừa nhận hành vi phạm tội như sau: Khoảng 21 giờ ngày 30/4/2017 tại k1, p1, thị xã N, tỉnh S giữa bị cáo và bị hại T xảy ra cự cãi, sau đó bị cáo dùng ly bia – là hung khí nguy hiểm đánh vào đầu bị hại T, rồi bị cáo tiếp tục dùng quay của ly bia đâm vào vùng ngực của bị hại T, hậu quả là bị cáo gây ra thương tích cho bị hại T với tổng tỷ lệ tổn thương cơ thể là 15%.

Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là phù hợp với lời khai bị cáo tại Tòa án cấp sơ thẩm và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án. Hành vi phạm tội của bị cáo cấu thành tội “Cố ý gây thương tích” theo quy định tại Khoản 2 Điều 104 Bộ luật Hình sự năm 1999 nên việc Tòa án cấp sơ thẩm xét xử bị cáo về tội danh và khung hình phạt nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật và không oan cho bị cáo.

[3] Xét kháng cáo của bị cáo:

[3.1] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo:

Xét thấy, Tòa án cấp sơ thẩm đã xem xét cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ như: bị cáo có nhân thân tốt, không tiền án, tiền sự; bị cáo thành khẩn khai báo; bị

cáo bồi thường thiệt hại cho bị hại; trình độ học vấn thấp nên nhận thức về pháp luật còn hạn chế; bị cáo có ông nội là người có công cách mạng, theo các quy định tại điểm b, p khoản 1, 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự, cấp sơ thẩm áp dụng cho bị cáo các tình tiết giảm nhẹ nói trên là chính xác, phù hợp với pháp luật.

Bị cáo kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt với lý do bị cáo không có tiền án, tiền sự; thành khẩn khai báo; có ông nội là người có công cách mạng; bị cáo đã khắc phục hậu quả cho bị hại với số tiền 25 triệu đồng và được bị hại bãi nại. Xét thấy, các lý do xin giảm nhẹ hình phạt nêu trên đã được Tòa án cấp sơ thẩm xem xét cho bị cáo khi quyết định hình phạt. Ngoài ra bị cáo cho rằng bị cáo là lao động chính, phải nuôi mẹ già và cháu nhỏ, bị cáo bị bệnh đau cột sống thì xét thấy, các lý do này không phải là tình tiết giảm nhẹ theo quy định của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa phúc thẩm bị cáo trình bày là ngoài số tiền 25 triệu đồng người bị hại yêu cầu, bị cáo đã bồi thường xong nên tại phiên tòa sơ thẩm người bị hại không yêu cầu bồi thường trách nhiệm dân sự. Sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã tự nguyện khắc phục thêm cho bị hại số tiền 6.000.000đ, đồng thời ngày 26/02/2018 bị hại T cũng có đơn yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm xem xét cho bị cáo được hưởng án treo với lý do là sau khi xét xử sơ thẩm bị cáo đã khắc phục thêm cho bị hại số tiền là 6.000.000đ. Bị cáo xin Tòa xem xét tình tiết này giảm nhẹ cho bị cáo.

Xét thấy, đây không phải là tình tiết giảm nhẹ mới theo quy định tại điểm b khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự năm 1999 vì bản án sơ thẩm không buộc bị cáo phải bồi thường số tiền 6.000.000đ này, người bị hại cũng không có kháng cáo vấn đề này, việc bị cáo bồi thường thêm số tiền 6.000.000đ cho người bị hại nhằm mục đích để bị hại xin cho bị cáo được giảm nhẹ và hưởng án treo. Đồng thời mức án mà cấp sơ thẩm đã tuyên đối với bị cáo là trong khung liên kề nhẹ hơn của điều luật, là tương xứng với tính chất, hành vi phạm tội của bị cáo nên kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt của bị cáo là không có căn cứ chấp nhận.

[3.2] Xét kháng cáo xin hưởng án treo của bị cáo.

Xét thấy, bị cáo có nhân thân tốt, có nơi cư trú rõ ràng và bị cáo bị xử phạt 01 năm 06 tháng tù, bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng và có 02 tình tiết giảm nhẹ quy định tại Khoản 1 Điều 46 Bộ luật Hình sự, căn cứ theo quy định tại mục 1 Điều 2 Nghị quyết 01/2013/NQ- HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao thì bị cáo có đủ điều kiện được hưởng án treo theo Điều 60 Bộ luật Hình sự. Tuy nhiên, vụ án này dư luận xã hội quan tâm và loại tội phạm này đang có chiều hướng gia tăng gây mất an ninh trật tự địa phương nên việc áp dụng hình phạt tù giam để răn đe và trấn áp tội phạm là yêu cầu cấp thiết. Do vậy, Hội đồng xét xử cấp phúc thẩm chấp nhận sự đề nghị của Kiểm sát viên là không chấp nhận kháng cáo của bị cáo về xin được hưởng án treo.

[4] Án phí hình sự phúc thẩm: bị cáo phải chịu 200.000đ.

[5] Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355, Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự;

1. Không chấp nhận toàn bộ kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hoàng N (tên gọi khác: Dương Hoàng N). Giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Căn cứ Khoản 2 Điều 104, Điều 33, 45, điểm b, p khoản 1, khoản 2 Điều 46 và Điều 47 Bộ luật Hình sự năm 1999 (được sửa đổi, bổ sung năm 2009);

Căn cứ khoản 3 Điều 7, khoản 2 Điều 134 Bộ luật Hình sự năm 2015 (được sửa đổi, bổ sung năm 2017);

Căn cứ điểm b khoản 1 Điều 2 Nghị quyết 41/2017/QH14, ngày 20/6/2017 của Quốc hội;

Căn cứ điểm c khoản 2 Điều 106, khoản 2 Điều 136, khoản 1 Điều 293 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015;

Căn cứ khoản 1 Điều 21, điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hoàng N (tên gọi khác: Dương Hoàng N) phạm tội “*Cố ý gây thương tích*”.

Tuyên phạt bị cáo Nguyễn Hoàng N 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo tự nguyện đến cơ quan Công an thị xã N chấp hành án hoặc từ ngày bị bắt để chấp hành án.

2. Án phí hình sự phúc thẩm bị cáo phải chịu là 200.000đ (hai trăm ngàn đồng).

3. Các quyết định khác của quyết định Bản án hình sự sơ thẩm không kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm này có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án./.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Sóc Trăng
- TAND TX. N;
- VKSND TX. N;
- Cơ quan điều tra - Công an TX. N
- Chi cục THADS TX. N;
- Bị cáo;
- Sơ Tư pháp;
- Lưu hs, THS;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Tăng Thị Thúy Nga